

I. MA TRẬN

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số hữu tỉ	Số hữu tỉ. Biểu diễn thập phân của số hữu tỉ	3								7,5
		Các phép tính với số hữu tỉ	2	2	2	2		2		1	55
2	Số vô tỉ	Căn bậc hai số học	1								2,5
3	Các hình khối trong thực tiễn	Hình hộp chữ nhật và hình lập phương			1			2			12.5
		Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác	2								5
4	Các hình hình học cơ bản	Góc ở vị trí đặc biệt.			1	2		1			17.5
Tổng			8	2	4	4		5		1	24
Tỉ lệ %			40%		30%		25%		5%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

II. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Số hữu	Số hữu tỉ. Biểu	Nhận biết:	3TN C1,2,3			

	tỉ	điển thập phân của số hữu tỉ	– Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ. – Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ. – Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ. – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ.				
			Thông hiểu: – Biểu diễn được số hữu tỉ trên trục số.				
			Vận dụng: – So sánh được hai số hữu tỉ.				
	Các phép tính với số hữu tỉ		Nhận biết: – Nhận biết các phép tính cộng, trừ số hữu tỉ cơ bản. – Nhận biết được lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ	2TN C4,5 2TL C13a, 14a			
			Thông hiểu: – Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của lũy thừa). – Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ.		2TN C7,8 2TL C13b, 14b		
			Vận dụng: – Thực hiện được các phép			3TL C13c,	1TL C17

			tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với các phép tính về số hữu tỉ. (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, trong đo đạc,...).			14c,	
2	Số vô tỉ	<i>Căn bậc hai số học</i>	Nhận biết: – Nhận biết được khái niệm căn bậc hai số học của một số không âm.				
			Thông hiểu: – Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay.	1TN C6			
			Vận dụng cao				
3	Các hình khối trong	<i>Hình hộp chữ nhật và hình</i>	Nhận biết Mô tả được một số yếu tố cơ bản (đỉnh, cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.				
			Thông hiểu – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với		1TN C11		

	thực tiễn	lập phương	việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương,...).				
		Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác	Nhận biết – Mô tả được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: hai mặt đáy là song song; các mặt bên đều là hình chữ nhật, ...).	2TN C9, 10			
			Thông hiểu – Tạo lập được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác. – Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của một lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác,...).		C15a		
			Vận dụng Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của			C15b	

4			một lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.				
	Các hình hình học cơ bản	Góc ở vị trí đặc biệt.	Nhận biết: – Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh)				
			Thông hiểu: – Biết cách vẽ hai góc kề nhau, hai góc kề bù bằng dụng cụ học tập		1TN C12, 2TL C16a,b		
			Vận dụng: - Biết tính số đo một góc.			1TL C16c	
Tổng				10	9	4	1
Tỉ lệ %				40%	30%	25%	5%
Tỉ lệ chung				70%		30%	

ĐỀ CHÍNH THỨC**Môn: TOÁN lớp 7**Thời gian làm bài: 90 phút
(Không tính thời gian phát đề)**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM** (3,00 điểm) *Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất và dùng bút chì đen tô kín một ô tròn tương ứng phương án trả lời đúng trong phiếu trả lời trắc nghiệm.***Câu 1.** Tập hợp các số hữu tỉ được kí hiệu là:

- A. I. B. R.
- C. Q.**
- D. Z.

Câu 2. Số đối của $\frac{-1}{2}$ là:

- A. $\frac{1}{2}$.**
- B. 2. C. - 2. D. - 0,5.

Câu 3. Quan sát trục số sau, điểm A biểu diễn số hữu tỉ nào?

- A. 1,3. B. 4.
- C. $\frac{4}{3}$.**
- D.
- $\frac{4}{5}$
- .

Câu 4. Kết quả của phép tính $\left(-\frac{2}{5}\right)^2$ là:

- A.
- $-\frac{4}{25}$
- .
- B. $\frac{4}{25}$.**
- C.
- $-\frac{2}{5}$
- . D.
- $\frac{4}{10}$
- .

Câu 5. Giá trị của $(3^2)^6$ là:

- A.
- 3^8
- .
- B. 3^{12} .**
- C.
- 3^4
- . D.
- 3^3
- .

Câu 6. Trong các số sau, số nào là số vô tỉ?

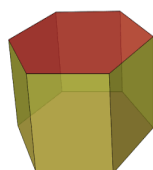
- A.
- $\sqrt{9}$
- . B.
- $\frac{3}{2}$
- . C. 2,5.
- D. $\sqrt{5}$.**

Câu 7. Kết quả của phép tính $\left(\frac{-1}{3}\right)^{2024} : \left(\frac{-1}{3}\right)^{2022}$ là:

- A.
- $\frac{1}{3}$
- . B.
- $\frac{-1}{9}$
- .
- C. $\frac{1}{9}$.**
- D.
- $\frac{-2}{3}$
- .

Câu 8. Giá trị của biểu thức $\sqrt{16} - \sqrt{25}$ là:

- A. - 1.**
- B. 1. C. 3. D. - 9.

Câu 9. Trong các hình sau, hình nào có dạng là hình lăng trụ đứng tam giác?

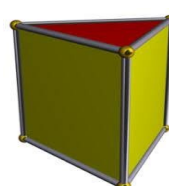
Hình 1



Hình 2



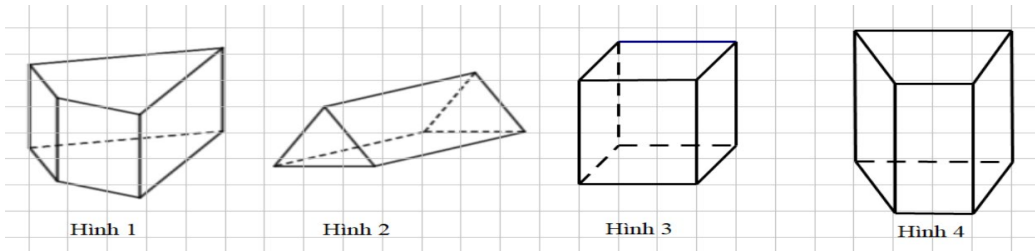
Hình 3



Hình 4

- A. Hình 1. B. Hình 2. C. Hình 3.
- D. Hình 4.**

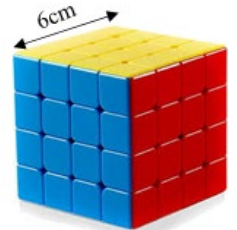
Câu 10. Trong các hình sau, hình nào **không phải** là hình lăng trụ đứng tứ giác?



- A. Hình 1. **B. Hình 2.** C. Hình 3. D. Hình 4

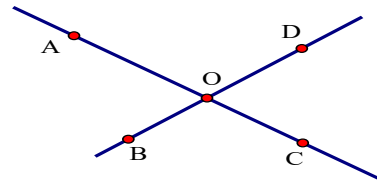
Câu 11. Khối Rubik 4×4 có hình dạng là hình lập phương có cạnh 6 cm. Thể tích của khối Rubik là :

- A. 216 cm^2 . B. 144 cm^3 . C. 144 cm^2 . **D. 216 cm^3 .**



Câu 12. Cho hình vẽ. Tìm góc kề bù với $\widehat{AOB}$?

- A. $\widehat{AOC}$. **B. $\widehat{BOC}$.**
C. $\widehat{BOD}$. D. $\widehat{DOC}$.



II. PHẦN TỰ LUẬN (7,00 điểm)

Câu 13. (2,00 điểm) Thực hiện phép tính:

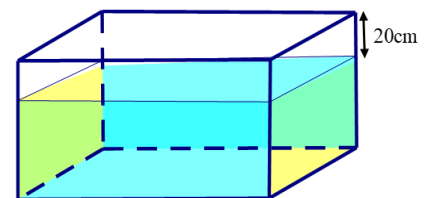
- a) $(-1,2) + \frac{3}{5}$ b) $\frac{-1}{3} \cdot \frac{5}{4} + \frac{-1}{3} \cdot \frac{7}{4}$ c) $\left(\frac{3}{2}\right)^2 - \left[0,5 : 1^{2025} + \sqrt{81} \cdot \left(\frac{-1}{2}\right)^2\right]$

Câu 14. (2,00 điểm) Tìm số x, biết:

- a) $\frac{1}{2} - x = \frac{5}{7}$ b) $\frac{4}{5} + \frac{3}{5} : x = 0,5$ c) $\left(x - \frac{1}{4}\right)^3 = \frac{27}{64}$

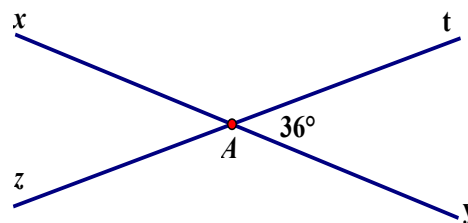
Câu 15. (1,00 điểm) Bể cá của quán cà phê Koi có dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 1,8 m, chiều rộng 1,2 m và chiều cao 1,5 m.

- a) Tính diện tích xung quanh của bể cá?
b) Chủ quán đã đổ nước vào bể sao cho mực nước cách miệng bể 20 cm. Vậy chủ quán đã đổ vào bể bao nhiêu lít nước? (biết rằng lúc đầu bể không có nước)



Câu 16. (1,50 điểm) Quan sát hình vẽ bên:

- a) Kể tên các cặp góc đối đỉnh
b) Tính số đo $\widehat{xAz}$
c) Tính số đo $\widehat{xAt}$



Câu 17. (0,50 điểm) Vào tháng 4, giá niêm yết của một chiếc laptop tại một cửa hàng máy tính là 16 000 000 đồng. Đến tháng 8, cửa hàng giảm giá 10% cho mỗi chiếc laptop. Sang tháng 10, cửa hàng lại giảm giá thêm một lần nữa, lúc này giá một chiếc laptop chỉ còn 13 680 000 đồng. Hỏi tháng 10, cửa hàng đã giảm giá bao nhiêu phần trăm cho một chiếc laptop so với tháng 8?

- HẾT -

(Đề có 02 trang; Học sinh không được sử dụng tài liệu; Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025

MÔN TOÁN lớp 7

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,00 điểm) Mỗi câu đúng đạt 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	A	C	B	B	D	C	A	D	B	D	B

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,00 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
13a	$(-1,2) + \frac{3}{5}$	1,00 điểm
	$= \left(-\frac{12}{10}\right) + \frac{3}{5}$	0,50
	$= \frac{-6}{5} + \frac{3}{5} = \frac{-3}{5}$	0,50
13b	$\frac{-1}{3} \cdot \frac{5}{4} + \frac{-1}{3} \cdot \frac{7}{4}$	0,50 điểm
	$= \frac{-1}{3} \cdot \left(\frac{5}{4} + \frac{7}{4}\right)$	0,25
	$= \frac{-1}{3} \cdot 3 = -1$	0,25
13c	$\left(\frac{3}{2}\right)^2 - \left[0,5 : 1^{2025} + \sqrt{81} \cdot \left(\frac{-1}{2}\right)^2\right]$	0,50 điểm
	$= \frac{9}{4} - \left[\frac{1}{2} : 1 + 9 \cdot \frac{1}{4}\right]$	0,25
	$= \frac{9}{4} - \left[\frac{1}{2} + \frac{9}{4}\right] = \frac{9}{4} - \frac{1}{2} - \frac{9}{4} = -\frac{1}{2}$	0,25
14a	$\frac{1}{2} - x = \frac{5}{7}$	1,00 điểm
	$x = \frac{1}{2} - \frac{5}{7}$	0,50
	$x = \frac{-3}{14}$	0,50
14b	$\frac{4}{5} + \frac{3}{5} : x = 0,5$	0,50 điểm
	$\frac{3}{5} : x = \frac{1}{2} - \frac{4}{5}$	0,25
	$\frac{3}{5} : x = \frac{-3}{10}$	
	$x = \frac{3}{5} : \frac{-3}{10}$ $x = -2$	0,25
14c	$\left(x - \frac{1}{4}\right)^3 = \frac{27}{64}$	0,50 điểm

	$\left(x - \frac{1}{4}\right)^3 = \left(\frac{3}{4}\right)^3$ $x - \frac{1}{4} = \frac{3}{4}$	0,25
	$x = \frac{3}{4} + \frac{1}{4}$ $x = 1$	0,25
15	Bể cá của quán cà phê Koi có dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 1,8 m, chiều rộng 1,2 m và chiều cao 1,5 m. a) Tính diện tích xung quanh của bể cá? b) Chủ quán đã đổ nước vào bể sao cho mực nước cách miệng bể 20 cm. Vậy chủ quán đã đổ vào bể bao nhiêu lít nước? (biết rằng lúc đầu bể không có nước)	1,00 điểm
15a	Diện tích xung quanh của bể cá hình hộp chữ nhật là: $2 \cdot (1,8 + 1,2) \cdot 1,5 = 9 \text{ (m}^2\text{)}$	0,50
15b	Đổi 20 cm = 0,2 m Chiều cao của mực nước trong bể là: $1,5 - 0,2 = 1,3 \text{ (m)}$	0,25
	Số lít nước chủ quán đã đổ vào bể là: $1,8 \cdot 1,2 \cdot 1,3 = 2,808 \text{ (m}^3\text{)} = 2\,808 \text{ (lít nước)}$	0,25
16	Quan sát hình vẽ bên: a) Kể tên các cặp góc đối đỉnh? b) Tính số đo $\widehat{xAz}$? c) Tính số đo $\widehat{xAt}$?	1,50 điểm
16a	Các cặp góc đối đỉnh là: $\widehat{xAz}$ và $\widehat{yAt}$; $\widehat{xAt}$ và $\widehat{yAz}$.	0,50
16b	Ta có $\widehat{xAz} = \widehat{yAt} = 36^\circ$ (tính chất hai góc đối đỉnh)	0,50
16c	Vì $\widehat{xAt}$ và $\widehat{yAt}$ là hai góc kề bù nên: $\widehat{xAt} + \widehat{yAt} = 180^\circ$ $\widehat{xAt} = 180^\circ - \widehat{yAt}$ $\widehat{xAt} = 180^\circ - 36^\circ$ $\widehat{xAt} = 144^\circ$	0,50
17	Vào tháng 4, giá niêm yết của một chiếc laptop tại một cửa hàng máy tính là 16 000 000 đồng. Đến tháng 8, cửa hàng giảm giá 10% cho mỗi chiếc laptop. Sang tháng 10, cửa hàng lại giảm giá thêm một lần nữa, lúc này giá một chiếc laptop chỉ còn 13 680 000 đồng. Hỏi tháng 10, cửa hàng đã giảm giá bao nhiêu phần trăm cho một chiếc laptop so với tháng 8	0,50 điểm
	Giá 1 chiếc laptop trong tháng 8 là: $16\,000\,000 \cdot (1 - 10\%) = 14\,400\,000 \text{ (đồng)}$	0,25
	Số tiền cửa hàng đã giảm giá 1 chiếc laptop trong tháng 10 là: $14\,400\,000 - 13\,680\,000 = 720\,000 \text{ (đồng)}$ Tháng 10 cửa hàng đã giảm giá số phần trăm 1 chiếc laptop so với tháng 8 là: $720\,000 : 14\,400\,000 \cdot 100\% = 5\%$	0,25

* **Ghi chú:** Học sinh giải cách khác nếu đúng vẫn cho điểm tối đa ở từng phần tương ứng.